

Phụ lục
DANH MỤC ĐỀ XUẤT ĐƠN GIẢN HOÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NỘI VỤ NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

PHẦN I
DANH MỤC ĐỀ XUẤT ĐƠN GIẢN HOÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Nội dung đề xuất
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
I	LĨNH VỰC AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG		
1	2.000134	Thủ tục khai báo với Sở Nội vụ địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	Bãi bỏ TTHC
2	1.005449	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	Cắt giảm thời gian giải quyết
3	1.005450	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	Cắt giảm thời gian giải quyết
4	2.000111	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp	Cắt giảm thời gian giải quyết
II	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG		
5	2.001955	Thủ tục đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	Bãi bỏ TTHC
6	1.000479	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Cắt giảm thời gian giải quyết
III	LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC		
7	2.002105	Thủ tục hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là	Cắt giảm thời

		người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	gian giải quyết
8	1.005219	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người bị thu hồi đất nông nghiệp đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Cắt giảm thời gian giải quyết
9	1.005132	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	Cắt giảm thời gian giải quyết
IV	LĨNH VỰC VIỆC LÀM		
10	1.001881	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	Cắt giảm thời gian giải quyết
11	1.001978	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	Cắt giảm thời gian giải quyết
12	2.000839	Giải quyết hỗ trợ học nghề	Cắt giảm thời gian giải quyết
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ		
I	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG		
1	1.010803	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	- Bỏ phần xác nhận nơi cư trú - Cắt giảm thời gian giải quyết
2	1.010811	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	- Bỏ phần xác nhận nơi cư trú - Cắt giảm thời gian giải quyết
3	1.010824	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần.	Cắt giảm thời gian giải quyết
4	1.010812	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý.	Cắt giảm thời gian giải quyết
5	1.010778	Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”	Cắt giảm thời gian giải quyết
6	1.013750	Thăm viếng mộ liệt sĩ	Cắt giảm thời gian giải quyết
II	LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI, QUỸ		
7	1.013704	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	Cắt giảm thời gian giải quyết
8	1.013709	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	Cắt giảm thời gian giải quyết
9	1.013708	Hội tự giải thể	Cắt giảm thời gian giải quyết
10	1.013717	Quỹ tự giải thể	Cắt giảm thời gian giải quyết
11	1.013713	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	Cắt giảm thời gian giải quyết

PHẦN II**NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HOÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**I. LĨNH VỰC AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

1. Thủ tục khai báo với Sở Nội vụ địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động – Mã TTHC: 2.000134

1.1. Nội dung cắt giảm:

- Bãi bỏ thủ tục.

- Lý do: Thủ tục hành chính này không làm phát sinh bất kỳ nội dung quản lý chuyên ngành nào có tính chất can thiệp hoặc hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Vì vậy, việc duy trì thủ tục hành chính nói trên không mang lại hiệu quả thiết thực đối với doanh nghiệp, đồng thời tạo thêm gánh nặng về thủ tục, hồ sơ hành chính, ảnh hưởng đến thời gian và chi phí trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Sở Nội vụ có đề xuất bỏ thủ tục hành chính này mà chỉ áp dụng hình thức doanh nghiệp nộp Thông báo về Sở.

1.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi khoản 02 Điều 16 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

2. Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập) – Mã TTHC: 1.005449

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ từ 25 ngày làm việc xuống còn 17 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

2.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi khoản 13 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm được 08 ngày làm việc giải quyết hồ sơ (01 giờ làm việc = 40.000 đồng theo bình quân thu nhập năm 2024 của Tổng cục thống kê), cụ thể:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 25 ngày làm việc: 40.000 x 200 giờ làm việc = 8.000.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 17 ngày làm việc: 40.000 x 136 giờ làm việc = 5.440.000 đồng.
- Chi phí tiết kiệm giảm 08 ngày làm việc: 8.000.000 – 5.440.000 = 2.560.000 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32%

3. Gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập) – Mã TTHC: 1.005450

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ từ 25 ngày làm việc xuống còn 17 ngày làm việc.
- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

3.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi khoản 13 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm được 08 ngày làm việc giải quyết hồ sơ (01 giờ làm việc = 40.000 đồng theo bình quân thu nhập năm 2024 của Tổng cục thống kê), cụ thể:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 25 ngày làm việc: 40.000 x 200 giờ làm việc = 8.000.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 17 ngày làm việc: 40.000 x 136 giờ làm việc = 5.440.000 đồng.
- Chi phí tiết kiệm giảm 08 ngày làm việc: 8.000.000 – 5.440.000 = 2.560.000 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32%

4. Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp – Mã TTHC: 2.000111

4.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ từ 20 ngày làm việc xuống còn 14 ngày làm việc.
- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

4.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi khoản 02 Điều 36 Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm được 06 ngày làm việc giải quyết hồ sơ (01 giờ làm việc = 40.000 đồng theo bình quân thu nhập năm 2024 của Tổng cục thống kê), cụ thể:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 20 ngày làm việc: 40.000 x 160 giờ làm việc = 6.400.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 14 ngày làm việc: 40.000 x 112 giờ làm việc = 4.480.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm giảm 06 ngày làm việc: 6.400.000 – 4.480.000 = 1.920.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%

II. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG

5. Thủ tục đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp – Mã TTHC: 1.005132

5.1. Nội dung cắt giảm:

- Bãi bỏ thủ tục.

- Lý do: Tại khoản 3 Điều 119 Bộ luật Lao động có quy định: “Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký nội quy lao động, nếu nội dung nội quy lao động có quy định trái với pháp luật thì cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo, hướng dẫn người sử dụng lao động sửa đổi, bổ sung và đăng ký lại”. Như vậy thủ tục hành chính này không có kết quả trả cho doanh nghiệp. Do vậy, có đề xuất bỏ thủ tục hành chính này mà chỉ áp dụng hình thức doanh nghiệp nộp Thông báo về Sở.

5.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi Điều 119 Bộ luật Lao động năm 2019.

6. Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động – Mã TTHC: 1.000479

6.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ từ 27 ngày làm việc xuống còn 24 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

6.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi Điều 25 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm được 03 ngày làm việc giải quyết hồ sơ (01 giờ làm việc = 40.000 đồng theo bình quân thu nhập năm 2024 của Tổng cục thống kê), cụ thể:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 27 ngày làm việc: 40.000 x 216 giờ làm việc = 8.640.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 24 ngày làm việc: 40.000×192 giờ làm việc = 7.680.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm giảm 03 ngày làm việc: $8.640.000 - 7.680.000 = 960.000$ đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,11%

III. LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

7. Thủ tục hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng – Mã TTHC: 2.002105

7.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

7.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC của Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm được 03 ngày làm việc giải quyết hồ sơ (01 giờ làm việc = 40.000 đồng theo bình quân thu nhập năm 2024 của Tổng cục thống kê), cụ thể:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 10 ngày làm việc: 40.000×80 giờ làm việc = 3.200.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 07 ngày làm việc: 40.000×56 giờ làm việc = 2.240.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm giảm 03 ngày làm việc: $3.200.000 - 2.240.000 = 960.000$ đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%

8. Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người bị thu hồi đất nông nghiệp đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng – Mã TTHC: 1.005219

8.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

8.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC của Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi

làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm được 03 ngày làm việc giải quyết hồ sơ (01 giờ làm việc = 40.000 đồng theo bình quân thu nhập năm 2024 của Tổng cục thống kê), cụ thể:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 10 ngày làm việc: 40.000 x 80 giờ làm việc = 3.200.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 07 ngày làm việc: 40.000 x 56 giờ làm việc = 2.240.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm giảm 03 ngày làm việc: 3.200.000 – 2.240.000 = 960.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%

9. Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày – Mã TTHC: 1.005132

9.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

9.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi khoản 2 Điều 39 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm được 02 ngày làm việc giải quyết hồ sơ (01 giờ làm việc = 40.000 đồng theo bình quân thu nhập năm 2024 của Tổng cục thống kê), cụ thể:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 05 ngày làm việc: 40.000 x 40 giờ làm việc = 1.600.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 03 ngày làm việc: 40.000 x 24 giờ làm việc = 960.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm giảm 02 ngày làm việc: 1.600.000 – 960.000 = 640.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%

IV. LĨNH VỰC VIỆC LÀM

10. Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động – Mã TTHC: 1.001881

10.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ từ 30 ngày xuống còn 21 ngày.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

10.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi khoản 2 Điều 27 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm được 09 ngày làm việc giải quyết hồ sơ (01 giờ làm việc = 40.000 đồng theo bình quân thu nhập năm 2024 của Tổng cục thống kê), cụ thể:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 30 ngày làm việc: 40.000 x 240 giờ làm việc = 9.600.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 21 ngày làm việc: 40.000 x 168 giờ làm việc = 6.720.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm giảm 09 ngày làm việc: 9.600.000 – 6.720.000 = 2.880.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%

11. Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp – Mã TTHC: 1.001978

11.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ từ 20 ngày làm việc xuống 18 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân kể từ ngày xác định người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp.

+ Tại khoản 4 Điều 49, khoản 3 Điều 50 Luật Việc làm quy định về điều kiện hưởng và thời điểm hưởng trợ cấp thất nghiệp “*chưa tìm được việc làm sau 15 ngày, kể từ ngày nộp hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp. Thời điểm hưởng trợ cấp thất nghiệp được tính từ ngày thứ 16, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp*”.

+ Tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 quy định “*Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp nếu người lao động không có nhu cầu hưởng trợ cấp thất nghiệp thì người lao động phải trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác nộp đề nghị không hưởng trợ cấp thất nghiệp cho Trung tâm Dịch vụ việc làm*”.

11.2. Kiến nghị thực thi: không

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm được 02 ngày làm việc giải quyết hồ sơ (01 giờ làm việc = 40.000 đồng theo bình quân thu nhập năm 2024 của Tổng cục thống kê), cụ thể:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 20 ngày làm việc: 40.000 x 160 giờ làm việc = 6.400.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 18 ngày làm việc: 40.000 x 144 giờ làm việc = 5.760.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm giảm 02 ngày làm việc: 6.400.000 – 5.760.000 = 640.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%

12. Giải quyết hỗ trợ học nghề - Mã TTHC: 2.000839

12.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ từ 20 ngày làm việc xuống 18 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện hỗ trợ học nghề cho người lao động.

+ Tại khoản 1 Điều 55 Luật Việc làm quy định về điều kiện được hỗ trợ học nghề “*Đủ các điều kiện quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều 49 của Luật này*”.

+ Tại khoản 4 Điều 49, khoản 3 Điều 50 Luật Việc làm quy định “*chưa tìm được việc làm sau 15 ngày, kể từ ngày nộp hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp*”.

12.2. Kiến nghị thực thi: không

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm được 02 ngày làm việc giải quyết hồ sơ (01 giờ làm việc = 40.000 đồng theo bình quân thu nhập năm 2024 của Tổng cục thống kê), cụ thể:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 20 ngày làm việc: 40.000 x 160 giờ làm việc = 6.400.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 18 ngày làm việc: 40.000 x 144 giờ làm việc = 5.760.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm giảm 02 ngày làm việc: 6.400.000 – 5.760.000 = 640.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

I. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG

1. Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ – Mã TTHC: 1.010803

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Bỏ phần xác nhận nơi cư trú của UBND phường tại mẫu số 18 Phụ lục I kèm theo Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

- Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 17 ngày làm việc xuống 16 ngày làm việc (trong đó: Thời gian UBND phường kiểm tra, xác nhận đơn đề nghị, lập danh sách: 05 ngày làm việc giảm xuống còn 04 ngày; Thời gian ban hành quyết định trợ cấp thờ cúng liệt sĩ: 12 ngày làm việc).

- Lý do: Thông tin nơi cư trú của người đề nghị giải quyết chế độ được khai thác, tra cứu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Khoản 2, Điều 28 Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

- Sửa đổi Mẫu số 18, Phụ lục I, Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm được 01 ngày làm việc giải quyết hồ sơ (01 giờ làm việc = 40.000 đồng theo bình quân thu nhập năm 2024 của Tổng cục Thống kê), cụ thể:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa (17 ngày làm việc): 40.000 x 136 giờ làm việc = 5.440.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa (16 ngày làm việc): 40.000 x 128 giờ làm việc = 5.120.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm (giảm 01 ngày làm việc): 5.440.000 đồng – 5.120.000 đồng = 320.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5,88%.

2. Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý – Mã TTHC: 1.010811

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Bỏ phần xác nhận nơi cư trú của UBND phường tại mẫu số 21 Phụ lục I kèm theo Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

- Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 42 ngày làm việc xuống 41 ngày làm việc (trong đó: Thời gian UBND phường kiểm tra, xác nhận đơn đề nghị, lập hồ sơ: 10 ngày làm việc giảm xuống còn 09 ngày)

- Lý do: Thông tin nơi cư trú của người đề nghị giải quyết chế độ được khai thác, tra cứu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

2.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm a, Khoản 2, Điều 26 Nghị định 129/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

- Sửa đổi Mẫu số 21, Phụ lục I, Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm được 01 ngày làm việc giải quyết hồ sơ (01 giờ làm việc = 40.000 đồng theo bình quân thu nhập năm 2024 của Tổng cục Thống kê), cụ thể:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa (42 ngày làm việc): 40.000 x 336 giờ làm việc = 13.440.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa (41 ngày làm việc): 40.000 x 328 giờ làm việc = 13.120.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm (giảm 01 ngày làm việc): 13.440.000 đồng – 13.120.000 đồng = 320.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,38%.

3. Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần – Mã TTHC: 1.010824

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 19 ngày làm việc xuống 18 ngày làm việc (trong đó: Thời gian UBND phường xác nhận bản khai và lập danh sách gửi Sở Nội vụ: 08 ngày làm việc giảm xuống còn 07 ngày)

Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

3.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 32 Nghị định 129/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm được 01 ngày làm việc giải quyết hồ sơ (01 giờ làm việc = 40.000 đồng theo bình quân thu nhập năm 2024 của Tổng cục Thống kê), cụ thể:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa (19 ngày làm việc): 40.000 x 152 giờ làm việc = 6.080.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa (18 ngày làm việc): 40.000 x 144 giờ làm việc = 5.760.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm (giảm 01 ngày làm việc): 6.080.000 đồng – 5.760.000 đồng = 320.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5,26%

4. Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý – Mã TTHC: 1.010812

4.1 Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 12 ngày làm việc xuống 11 ngày làm việc (trong đó: Thời gian UBND cấp xã kiểm tra, xác minh, xác nhận đơn đề nghị gửi Sở Nội vụ: 07 ngày làm việc giảm xuống còn 06 ngày).

Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

4.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 30 Nghị định 129/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm được 01 ngày làm việc giải quyết hồ sơ (01 giờ làm việc = 40.000 đồng theo bình quân thu nhập năm 2024 của Tổng cục Thống kê), cụ thể:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa (12 ngày làm việc): 40.000 x 96 giờ làm việc = 3.840.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa (11 ngày làm việc): 40.000 x 88 giờ làm việc = 3.520.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm (giảm 01 ngày làm việc): 3.840.000 đồng – 3.520.000 đồng = 320.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,33%.

5. Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” – Mã TTHC: 1.010778

5.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 97 ngày làm việc xuống 96 ngày làm việc (trong đó: giảm thời gian UBND cấp xã nhận bản khai, tổng hợp, lập danh sách và tờ trình gửi Sở Nội vụ từ 05 ngày làm việc giảm xuống còn 04 ngày làm việc).

Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

5.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điểm b, Khoản 2, Điều 24 Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm được 01 ngày làm việc giải quyết hồ sơ (01 giờ làm việc = 40.000 đồng theo bình quân thu nhập năm 2024 của Tổng cục Thống kê), cụ thể:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa (97 ngày làm việc): 40.000 x 776 giờ làm việc = 31.040.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa (96 ngày làm việc): 40.000 x 768 giờ làm việc = 30.720.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm (giảm 01 ngày làm việc): 31.040.000 đồng – 30.720.000 đồng = 320.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,03%.

6. Thăm viếng mộ liệt sĩ – Mã TTHC: 1.013750

6.1. Nội dung đơn giản hóa:

Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc.

Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

6.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 2, Điều 36 Nghị định 129/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm được 01 ngày làm việc giải quyết hồ sơ (01 giờ làm việc = 40.000 đồng theo bình quân thu nhập năm 2024 của Tổng cục Thống kê), cụ thể:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa (05 ngày làm việc): 40.000 x 40 giờ làm việc = 1.600.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa (04 ngày làm việc): 40.000 x 32 giờ làm việc = 1.280.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm (giảm 01 ngày làm việc): 1.600.000 đồng – 1.280.000 đồng = 320.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

II. LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI, QUỸ

7. Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội – Mã TTHC: 1.013704

7.1. Nội dung đơn giản hóa:

Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 60 ngày xuống 40 ngày làm việc.

Lý do: Phát sinh ít hồ sơ, hồ sơ đơn giản, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và cần rút ngắn thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

7.2. Kiến nghị thực thi: Có thể triển khai áp dụng ngay.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm được 20 ngày làm việc giải quyết hồ sơ (01 giờ làm việc = 40.000 đồng theo bình quân thu nhập năm 2024 của Tổng cục Thống kê), cụ thể:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa (60 ngày làm việc): 40.000 x 480 giờ làm việc = 19.200.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa (40 ngày làm việc): 40.000 x 320 giờ làm việc = 12.800.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm (giảm 20 ngày làm việc): 19.200.000 – 12.800.000 = 6.400.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

8. Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn – Mã TTHC: 1.013709

8.1. Nội dung đơn giản hóa:

Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày xuống 20 ngày làm việc.

Lý do: Phát sinh ít hồ sơ, hồ sơ đơn giản, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và cần rút ngắn thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

8.2. Kiến nghị thực thi: Có thể triển khai áp dụng ngay.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm được 10 ngày làm việc giải quyết hồ sơ (01 giờ làm việc = 40.000 đồng theo bình quân thu nhập năm 2024 của Tổng cục Thống kê), cụ thể:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa (30 ngày làm việc): 40.000 x 240 giờ làm việc = 9.600.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa (20 ngày làm việc): 40.000 x 160 giờ làm việc = 6.400.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm (giảm 10 ngày làm việc): 9.600.000 – 6.400.000 = 3.200.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

9. Hội tự giải thể - Mã TTHC: 1.013708

9.1. Nội dung đơn giản hóa:

Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 45 ngày xuống 30 ngày làm việc.

Lý do: Phát sinh ít hồ sơ, hồ sơ đơn giản, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và cần rút ngắn thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

9.2. Kiến nghị thực thi: Có thể triển khai áp dụng ngay.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm được 15 ngày làm việc giải quyết hồ sơ (01 giờ làm việc = 40.000 đồng theo bình quân thu nhập năm 2024 của Tổng cục Thống kê), cụ thể:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa (45 ngày làm việc): 40.000×360 giờ làm việc = 14.400.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa (30 ngày làm việc): 40.000×240 giờ làm việc = 9.600.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm (giảm 15 ngày làm việc): $14.400.000 - 9.600.000 = 4.800.000$ đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

10. Quỹ tự giải thể - Mã TTHC: 1.013717

10.1. Nội dung đơn giản hóa:

Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 60 ngày xuống 40 ngày làm việc.

Lý do: Phát sinh ít hồ sơ, hồ sơ đơn giản, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và cần rút ngắn thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

10.2. Kiến nghị thực thi: Có thể triển khai áp dụng ngay.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm được 20 ngày làm việc giải quyết hồ sơ (01 giờ làm việc = 40.000 đồng theo bình quân thu nhập năm 2024 của Tổng cục Thống kê), cụ thể:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa (60 ngày làm việc): 40.000×480 giờ làm việc = 19.200.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa (40 ngày làm việc): 40.000×320 giờ làm việc = 12.800.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm (giảm 20 ngày làm việc): $19.200.000 - 12.800.000 = 6.400.000$ đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

11. Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ - Mã TTHC: 1.013713

11.1. Nội dung đơn giản hóa:

Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 60 ngày làm việc xuống 40 ngày làm việc.

Lý do: Phát sinh ít hồ sơ, hồ sơ đơn giản, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và cần rút ngắn thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

11.2. Kiến nghị thực thi: Có thể triển khai áp dụng ngay.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Giảm được 20 ngày làm việc giải quyết hồ sơ (01 giờ làm việc = 40.000 đồng theo bình quân thu nhập năm 2024 của Tổng cục Thống kê), cụ thể:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa (60 ngày làm việc): 40.000×480 giờ làm việc = 19.200.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa (40 ngày làm việc): 40.000×320 giờ làm việc = 12.800.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm (giảm 20 ngày làm việc): $19.200.000 - 12.800.000 = 6.400.000$ đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.